

LUẬN A TỶ ĐẠT MA ĐẠI TỶ BÀ SA

QUYỂN 84

LUẬN VỀ THẬP MÔN (Phần 14)

Thế nào là Không vô biên xứ? Trong luận Phẩm Loại Túc nói: “Không vô biên xứ tổng quát có hai loại, đó là Định và Sinh. Nếu sinh Thọ-Tướng-Hành-Thức vô phú vô ký của xứ ấy, thì như vậy gọi chung là Không vô biên xứ. Cho đến Phi tướng phi phi tướng xứ cũng như vậy.”

Trong này, Định thì gọi là Vô sắc Định, Sinh ấy tức là nói sinh đến cõi Vô sắc. Nếu sinh Thọ-Tướng-Hành-Thức vô phú vô ký của xứ ấy, câu này nói về dị thực của bốn Uẩn thuộc nơi ấy.

Trong kinh nói: “Vượt lên trên cái tướng về sắc, diệt trừ cái tướng về cái đối đãi, không tư duy về các loại tướng, tiến vào Vô biên không, trú đầy đủ trong Không vô biên xứ, đó gọi là Không vô biên xứ.”

Trong này, vượt lên trên cái tướng về các sắc, nghĩa là vượt lên trên cái tướng tương ứng với nhãn thức.

Hỏi: Lúc lia nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất thì đã vượt lên trên cái tướng này, tại sao nay nói vượt lên trên cái tướng về các sắc?

Đáp: Bởi vì vượt qua sở y. Vượt qua có hai loại:

1. Vượt qua tự tánh.
2. Vượt qua sở y. Lúc lia nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, vượt qua tự tánh ấy cho nên nói là vượt lên trên; lúc lia nhiệm của Tĩnh lự thứ tư, vượt qua sở y của nó cho nên nói là vượt lên trên nó.

Lại nữa, bởi vì vượt qua hiện hành. Vượt qua có hai loại:

1. Đoạn vượt qua.
2. Không hiện hành vượt qua.

Lúc lia nhiệm của Tĩnh lự thứ nhất, đoạn cái tướng về các sắc cho nên gọi là vượt lên trên; lúc lia nhiệm của Tĩnh lự thứ tư, tướng ấy

Lại nữa, bởi vì vượt qua trú xứ. Vượt qua có hai loại:

1. Vượt qua dục tham.

2. Vượt qua trú xứ. Lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ nhất, vượt qua dục tham kia cho nên gọi là vượt lên trên; lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư, vượt qua trú xứ của nó cho nên gọi là vượt lên trên nó.

Lại nữa, nếu sinh đến Tịch lự thứ tư, bởi vì nhãn thức dẫn dắt sắc tham kia hiện rõ trước mắt, thì lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư, cũng nói là vượt lên trên cái tướng về các sắc, bởi vì không còn dẫn khởi duyên với sắc tham.

Diệt trừ cái tướng về có đối đãi, nghĩa là từ diệt trừ cái tướng tương ứng với nhĩ-tỷ-thiệt-thân thức.

Hỏi: Lúc lìa nhiễm của cõi Dục, đã diệt cái tướng tương ứng với tỷ-thiệt thức; lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ nhất, đã lìa cái tướng tương ứng với nhĩ-thân thức, tại sao nay nói diệt trừ cái tướng về có đối đãi?

Đáp: Trong những câu trả lời trước đây tùy theo sự thích hợp của nó cũng bao gồm câu hỏi này.

Có Sư khác nói: Tướng tương ứng với sân gọi là tướng có đối đãi.

Hỏi: Lúc lìa nhiễm của cõi Dục, đã diệt tất cả các tướng tương ứng với sân, tại sao nay nói diệt trừ cái tướng có đối đãi?

Đáp: Bởi vì vượt qua nơi nương tựa. Nghĩa là những nơi nương tựa có thể khởi lên cái tướng về sân, nay vào lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư, đều vượt lên trên nó cho nên gọi là diệt.

Hỏi: Vì sao không nói là diệt trừ cái tướng về các sắc, vượt lên trên cái tướng về có đối đãi?

Đáp: Cũng nên nói đến lẫn nhau, muốn nêu rõ văn khác nhau làm cho sinh tâm yêu thích. Lại nữa, muốn nêu rõ hai môn, cho đến nói rộng ra. không tư duy về các loại tướng, nghĩa là không hiện khởi các tướng tạp loạn tương ứng với ý thức của Tịch lự thứ tư.

Hỏi: Các loại tướng có nghĩa là gì?

Đáp: Bởi vì tướng này duyên với tướng sai biệt của các loại xứ, nghĩa là nhiễm ô thì duyên với tướng sai biệt của mười xứ, không nhiễm ô thì duyên với tướng sai biệt của mười hai xứ, vì vậy tướng này gọi là các loại tướng.

Hỏi: tại sao nói là không tư duy về các loại tướng?

Đáp: Bởi vì các loại tướng vào lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư, hết sức làm cho trở ngại, ràng buộc ngăn chặn như cai ngục hung bạo. Vì vậy Đức Thế Tôn nói: Lúc lìa nhiễm của Tịch lự thứ tư, không nên tư duy khởi lên các loại tướng, như vậy sẽ có thể mau chóng lìa nhiễm

này mà tiến vào Vô biên không, là Không vô biên xứ.

Hỏi: Vì sao nơi này gọi là Không vô biên xứ, là bởi vì tự tánh, hay là bc sở duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai biệt? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu dùng tự tánh, thì không vô biên xứ dùng bốn Uẩn làm tự tánh, không nên gọi là Không. Nếu dùng sở duyên, thì Không vô biên xứ duyên với bốn Thánh đế và Hư không phi trạch diệt, vì sao chỉ gọi là Không vô biên xứ?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Pháp này không dùng tự tánh, cũng không dùng sở duyên, chỉ dùng gia hạnh cho nên gọi là Không vô biên xứ. Như luận Thi Thiết nói: “Dùng gia hạnh nào để tu định Không vô biên xứ? Do gia hạnh nào mà tiến vào định Không vô biên xứ? Đó là bắt đầu tu tập thì trước hết cần phải tư duy về các tướng hư không trong căn nhà-trên vách đá-trên cây cao-trên tường vách..., chọn lấy tướng này rồi tưởng tượng làm thành thắng giải, quán sát hiểu biết rõ ràng về tướng không vô biên, dùng tướng Không vô biên trước đây đã tư duy mà tu gia hạnh, lần lượt chuyển tiếp dần dần phát khởi định Vô sắc thứ nhất, cho nên nói pháp này gọi là Không vô biên xứ.”

Lại nữa, pháp như vậy thuộc về địa thứ nhất lia xa sắc, gọi là Không vô biên xứ. Lại nữa, pháp như vậy thuộc về địa thứ nhất giải thoát sắc, gọi là Không vô biên xứ. Nghĩa là sư Du-già trước tiên dựa vào sắc của địa trên để lìa nhiễm sắc của địa dưới; nếu vào lúc lìa nhiễm của Tĩnh lự thứ tư. Trước tiên duyên với địa trên dấy lên tướng về hư không sau đó mới dần dần phát khởi đạo lìa nhiễm của địa dưới. Như người trên cây cao, trước tiên bám vào cành trên mà bỏ cành dưới, nếu lên đến ngọn cây thì lại không có cành nào trên nữa để có thể cho nên nói Định này gọi là Không vô biên xứ. Nghĩa là sư Du-già từ Định này rời ra chắc chắn khởi lên tướng về không tương tự hiện rõ trước mắt. Từng nghe Tỳ-kheo rời khỏi định này rồi, liền đưa hai tay sờ soạn giữa hư không, có người trông thấy hỏi rằng: Ông tìm cái gì? Tỳ-kheo trả lời rằng: Tôi tìm thân của mình. Người ấy nói: Thân của ông vẫn ở trên giường, làm sao lại tìm thân của mình ở nơi khác? Vì vậy từ Định này rời ra khởi lên tướng về hư không. Tướng này chính là Đăng lưu của Định trước đó.

Trú đầy đủ, nghĩa là đạt được sự thành tựu về bốn Uẩn thiện của Không vô biên xứ, đối với đạt được sự thành tựu mà nói thao thanh Trú đầy đủ, vì thế cho nên gọi là Không vô biên xứ.

Thế nào là Thức vô biên xứ? Như trong kinh nói: “Vượt lên trên tất cả Không vô biên xứ tiến vào Vô biên Thức, trú đầy đủ trong Thức

vô biên xứ, đó gọi là Thức vô biên xứ.”

Hỏi: Tại sao pháp này gọi là Thức vô biên xứ, là bởi vì tự tánh, hay là bởi vì sở duyên? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cớ thế nào? Bởi vì nếu dùng tự tánh, thì Thức vô biên xứ lấy bốn Uẩn làm tự tánh, không phải chỉ gọi là Thức vô biên xứ. Nếu dùng sở duyên thì Thức vô biên xứ duyên với bốn Thánh đế và Hư không phi trạch diệt, cũng không phải chỉ gọi là Thức vô biên xứ.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Pháp này không dùng tự tánh, cũng không dùng sở duyên, chỉ dùng gia hạnh mà gọi là Thức vô biên xứ. Như luận Thi Thiết nói: “Dùng gia hạnh nào để tu định Thức vô biên xứ? Do gia hạnh nào mà tiến vào định Thức vô biên xứ? Đó là bắt đầu tu tập, trước hết cần phải tư duy về tướng của sáu loại Thức thanh tịnh như Nhân..., chọn lấy tướng này rồi tưởng tượng làm thành thắng giải, quán sát hiểu biết rõ ràng về tướng Thức vô biên, dùng tướng Thức vô biên đã tư duy trước đây mà tu gia hạnh, lần lượt chuyển tiếp dẫn dắt phát khởi định Vô sắc thứ hai, cho nên nói pháp này gọi là Thức vô biên xứ.”

Lại nữa, dựa vào Đẳng lưu cho nên nói Định này gọi là Thức vô biên xứ. Nghĩa là sư Du-già từ Định này rời xa chắc chắn khởi lên tưởng về Thức tướng tự hiện rõ trước mắt.

Trú đầy đủ, nghĩa là đạt được sự thành tựu về bốn Uẩn thiện của Thức vô biên xứ, đối với đạt được sự thành tựu mà nói theo thanh Trú đầy đủ, vì thế cho nên là Thức vô biên xứ.

Thế nào là Vô sở hữu xứ? Như trong kinh nói: “Vượt lên trên tất cả Thức vô biên xứ, tiến vào Vô sở hữu, trú đầy đủ trong Vô sở hữu xứ, đó gọi là Vô sở hữu xứ.”

Hỏi: Tại sao pháp này gọi là Vô sở hữu xứ?

Đáp: Bởi vì trong này không có Ngã-không có Ngã sở.

Hỏi: Trong tất cả các địa không có Ngã và Ngã sở, sao chỉ có địa này gọi là Vô sở hữu xứ?

Đáp: Bởi vì không có địa nào khác có thể cho chấp Ngã và Ngã sở giảm bớt thế lực-xuyên thủng mài mòn làm cho suy yếu giống như địa này, cho nên chỉ riêng địa này gọi là Vô sở hữu xứ. Lại nữa, địa này không có pháp nào chân thật thường còn luôn luôn không thay đổi, làm hại đến Thường kiến mạnh hơn các địa khác, cho nên chỉ có địa này gọi là vô sở hữu xứ. Lại nữa, địa này không có hướng đến-nơi quay về-nhà cửa-phòng ốc có thể làm nơi cứu hộ, phá tan kiêu mạn-giải đãi-phóng dật mạnh hơn các địa khác, cho nên chỉ có địa này gọi là Vô sở hữu xứ.

Lại nữa, trong địa này không có vô biên hành tướng mà bắt đầu rời bỏ tướng ấy, cho nên chỉ có địa này gọi là Vô sở hữu xứ.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Ở trong Định này không có chủ thể-khác thể thâm nhiếp hành tướng chuyển, như nói không phải là Ngã có nơi chốn-có thời gian-có vật hệ thuộc, cũng không có nơi chốn-thời gian-vật hệ thuộc Ngã, cho nên chỉ có địa này gọi là Vô sở hữu xứ.”

Trú đầy đủ, nghĩa là đạt được sự thành tựu về bốn Uẩn thiện của Vô sở hữu xứ, đối với đạt được sự thành tựu mà nói theo thanh Trú đầy đủ, vì thế cho nên gọi là Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Vì sao Đức Phật chỉ nói có Vô sở hữu xứ gọi là Xả?

Đáp: xả nghĩa là Thánh đạo có năng lực xả bỏ tất cả. Địa có Thánh đạo thì địa này là cuối cùng, cho nên đối với địa này chỉ thiết lập tên gọi là Xả.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Địa này gần với Xả, tướng tượng làm thành thắng giải về vô biên hành tướng, quán giải thô thiển cho nên chỉ thiết lập tên gọi là Xả.” Đại đức nói rằng: “Địa này rời bỏ công dụng tác ý về vô biên hành tướng của tâm-tâm sở pháp, không trú vào công dụng cho nên chỉ gọi là Xả.”

Thế nào là Phi phi tướng xứ? Như trong kinh nói: “Vượt lên trên tất cả Vô sở hữu xứ, tiến vào Phi tướng phi phi tướng xứ, trú đầy đủ, đó gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ.”

Hỏi: tại sao địa này gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ?

Đáp: Trong địa này không có tướng của tướng rõ ràng, cũng không có tướng của không có tướng, cho nên gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ. Không có tướng của tướng rõ ràng, bởi vì không giống như Hữu tướng định của bảy địa; cũng không có tướng của không có tướng, bởi vì không giống như Vô tướng và Diệt định. Bởi vì tướng của địa này ám độn yếu kém, không rõ ràng-không quyết định, cho nên gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ.

Trú đầy đủ, nghĩa là đạt được sự thành tựu về bốn Uẩn thiện của Phi tướng phi phi tướng xứ, đối với đạt được sự thành tựu mà nói theo thanh Trú đầy đủ, vì thế cho nên gọi là Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hỏi: Cõi Dục và Phi tướng phi phi tướng xứ, tại sao không có đạo vô lậu?

Đáp: Bởi vì không phải là ruộng đất-đồ chứa, nghĩa là hai địa này không phải là sở y của đạo vô lậu, cho nên đạo vô lậu không có trong hai địa này. Lại nữa, bởi vì đoạn gốc rễ của Hữu, nghĩa là hai địa ấy là

gốc rễ của Hữu, các đạo vô lậu đoạn dứt gốc rễ của Hữu, cho nên đạo vô lậu không có trong hai địa ấy. Lại nữa, bởi vì đoạn hai bên, nghĩa là hai địa ấy là bên thấp-bên cao, các đạo vô lậu luôn luôn đoạn hai bên mà trú vào Trung đạo, cho nên hai địa ấy không có đạo vô lậu. Lại nữa, cõi Dục không có Định cũng không phải là địa của tu-không phải là địa của lìa nhiễm; Hữu Đánh ám độn không quyết đoán-tựa như nghi ngờ; các đạo vô lậu cần phải dựa vào cõi của Định-địa của tu và lìa nhiễm, rõ ràng sắc bén và quyết định, cho nên hai địa ấy không có đạo vô lậu. Lại nữa, trong địa cõi Dục thì trạo cử tăng mạnh, trong địa Hữu Đánh thì vắng lặng tăng mạnh, không phải là nơi nương tựa của đạo vô lậu.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn đối với Vô sắc Định đều nói là vượt lên trên, mà Tĩnh lự thì không như vậy?

Đáp: Đức Phật đối với Tĩnh lự cũng nói là vượt lên trên, như: “Đức Phật bảo với Ô-đà-di rằng: Tỳ-kheo lìa pháp ác bất thiện có tâm có tứ của cõi Dục, lìa sinh hỷ lạc tiến vào Tĩnh lự thứ nhất mà trú đầy đủ, Ta nói là lửa-cũng là điều đoạn trừ-cũng là nên vượt lên trên, cho đến Tĩnh lự thứ tư cũng như vậy.”

Hỏi: Chỉ có một kinh nói là Tĩnh lự cần phải vượt lên trên, kinh khác đều nói Vô sắc là vượt lên trên, điều này có ý gì?

Đáp: Trong Tĩnh lự có các loại tướng sai khác không tương tự với pháp, cho nên không nói là vượt lên trên Vô sắc thì không như vậy, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, trong Tĩnh lự có tướng các căn khác nhau-tướng các Thọ khác nhau và có tướng khác nhau của tâm-tâm sở pháp, cho nên không nói là vượt lên trên; Vô sắc thì không như vậy, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, trong Tĩnh lự có nhiều loại công đức-nhiều loại thắng lợi, cho nên không nói là vượt lên trên; Vô sắc thì không như vậy, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, Tĩnh lự thô thiển, hiển bày rõ ràng, hiện tâm trước mắt, cho nên không nói là vượt lên trên; Vô sắc vi tế, ẩn kín không rõ ràng-không hiện thấy, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, Tĩnh lự duyên khắp nơi các địa trên-dưới địa mình, cho nên không nói là vượt lên trên; Vô sắc chỉ có thể duyên với địa trên mình, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, bởi vì các Tĩnh lự và địa trên-dưới tuy không tử sinh mà có qua lại, nghĩa là lực thần thông từ dưới hướng lên trên, từ trên đi xuống dưới, cho nên không nói là vượt lên trên; trong địa Vô sắc không

có nghĩa như vậy, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, bởi vì trong các Tĩnh lự và địa trên-dưới có xen lẫn với nhau, trong địa dưới có địa trên hiện rõ trước mắt, trong địa trên có địa dưới hiện rõ trước mắt, đã có xen lẫn với nhau, cho nên không nói là vượt lên trên; trong đại Vô sắc không có nghĩa như vậy, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, sinh ở Tĩnh lự trên dấy khởi lên pháp của địa dưới, như các Thức thân-tâm biến hóa..., cho nên không nói là vượt lên trên; sinh ở Vô sắc trên chắc chắn không dấy khởi các pháp hữu lậu của địa dưới, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Lại nữa, sinh ở Tĩnh lự trên có pháp của địa dưới đạt được thường tùy duyên, như tâm biến hóa..., cho nên không nói là vượt lên trên; sinh ở Vô sắc trên chắc chắn không có nghĩa tùy chuyển các pháp hữu lậu đạt được của địa dưới, cho nên chỉ nói là vượt lên trên.

Bởi vì các loại nhân duyên như vậy, cho nên Đức Phật đối với Vô sắc nói là có ý nghĩa vượt lên trên, Tĩnh lự thì không như vậy.

Như trong kinh nói: “Không vô biên xứ thọ hai vạn kiếp, Thức vô biên xứ thọ bốn vạn kiếp, vô sở hữu xứ thọ sáu vạn kiếp, Phi tưởng phi phi tưởng xứ thọ tám vạn kiếp.”

Hỏi: Tại sao thọ lượng của Vô sắc có nơi tăng gấp bội, có nơi tăng một nửa, có nơi tăng phần ít?

Đáp: Như nhân dị thực của sức mạnh như vậy, cho nên trở lại nhận lấy quả dị thực như vậy.

Lại nữa, Không-Thức vô biên xứ có vô biên hành tướng-cũng có hành tướng khác, nghĩa là vô biên hành tướng của Không vô biên xứ dẫn đến tuổi thọ một vạn kiếp, hành tướng khác cũng dẫn đến tuổi thọ vạn kiếp; vô biên hành tướng của Thức vô biên xứ dẫn đến tuổi thọ hai vạn kiếp, hành tướng khác cũng dẫn đến tuổi thọ hai vạn kiếp. Trên địa này lại không có vô biên hành tướng, chỉ có hành tướng khác, cho nên thọ lượng ấy không tăng gấp bội. Nhưng Vô sở hữu xứ có tách biệt phá hủy về Ngã và Ngã sở..., quán hành thắng thiện khác với địa khác, nhờ vào pháp thiện ấy dẫn đến tuổi thọ hai vạn kiếp, cho nên do hành tướng khác mà dẫn đến thọ lượng cũng tăng gấp bội lần.

Lại nữa, Không-Thức vô biên xứ có Xa-ma-tha và Tỳ-bát-xá-na, nghĩa là Xa-ma-tha của Không vô biên xứ dẫn đến tuổi thọ một vạn kiếp, Tỳ-bát-xá-na cũng dẫn đến tuổi thọ một vạn kiếp; Xa-ma-tha của Thức vô biên xứ dẫn đến tuổi thọ hai vạn kiếp, Tỳ-bát-xá-na cũng dẫn đến tuổi thọ hai vạn kiếp. Trên địa này không có Tỳ-bát-xá-na

thù thắng, chỉ có Xa-ma-tha, cho nên thọ lượng ấy không tăng gấp bội. Phần còn lại nói như trước.

Lại nữa, bốn địa Vô sắc đều không có nhiều loại công đức và pháp, cho nên mỗi một địa đều có tuổi thọ hai vạn kiếp. Ba Vô sắc trên là nhiệm của địa dưới, có ít-nhiều cho nên tuổi thọ tăng gấp bội lần, nghĩa là Thức vô biên xứ đã là nhiệm của một địa Vô sắc dưới, dẫn đến tuổi thọ hai vạn kiếp, cộng với hai vạn vốn có là bốn vạn kiếp; Vô sở hữu xứ đã là nhiệm của hai địa Vô sắc dưới, dẫn đến tuổi thọ bốn vạn kiếp, cộng với hai vạn vốn có là sáu vạn kiếp; Phi tưởng phi phi tưởng xứ đã là nhiệm của ba địa Vô sắc dưới, dẫn đến tuổi thọ sáu vạn kiếp, cộng với hai vạn vốn có là tám vạn kiếp.

Tám giải thoát là:

1. Có sắc quán các sắc giải thoát.
2. Bên trong không có sắc tưởng quán sắc bên ngoài giải thoát.
3. Tịnh giải thoát thân tác chứng trú đầy đủ.
4. Vượt lên trên các sắc tưởng-diệt tưởng có đối đãi, không tư duy về các loại tưởng, tiến vào Vô biên Không, Không vô biên xứ trú đầy đủ giải thoát.
5. Vượt lên trên tất cả Không vô biên xứ, tiến vào Vô biên Thức, Thức vô biên xứ trú đầy đủ giải thoát.
6. Vượt lên trên tất cả Thức vô biên xứ, tiến vào Vô sở hữu, Vô sở hữu xứ trú đầy đủ giải thoát.
7. Vượt lên trên tất cả Vô sở hữu xứ, tiến vào Phi tưởng phi phi tưởng xứ, trú đầy đủ giải thoát.
8. Vượt lên trên tất cả Phi tưởng phi phi tưởng xứ, tiến vào tưởng thọ diệt-thân tác chứng, trú đầy đủ giải thoát.

Hỏi: Tự tánh của tám giải thoát này là gì?

Đáp: Ba giải thoát đều lấy thiện căn không tham làm tự tánh, bởi vì đều đối trị với tham; nếu cùng chọn lấy tương ứng tùy chuyển, thì cõi Dục lấy bốn Uẩn làm tự tánh, cõi Sắc lấy năm Uẩn làm tự tánh. Bốn giải thoát của bốn Vô sắc xứ đều lấy bốn Uẩn làm tự tánh. Tưởng thọ diệt giải thoát lấy hành uẩn bất tương ứng làm tự tánh. Như vậy gọi là tự tánh của giải thoát, tự Thể của ngã-vật, bốn tánh của tướng phần.

Đã nói đến tự tánh, về nguyên cơ nay sẽ nói.

Hỏi: Vì sao gọi là giải thoát, giải thoát là nghĩa gì?

Đáp: Nghĩa về rời bỏ là nghĩa của giải thoát.

Hỏi: Nếu rời bỏ cho nên gọi là giải thoát, thì giải thoát như thế nào-rời bỏ tâm nào?

Đáp: Hai giải thoát đều rời bỏ tâm tham sắc, giải thoát thứ ba rời bỏ tâm quán Bất tịnh, bốn giải thoát của bốn Vô sắc xứ đều tự rời bỏ tâm của địa dưới theo thứ tự, tưởng thọ diệt giải thoát rời bỏ tất cả các tâm có sở duyên, cho nên nghĩa về rời bỏ là nghĩa của giải thoát.

Tôn giả Thế Hữu đưa ra cách nói như vậy: “Tâm giải thoát thanh tịnh đối với phiền não, cho nên gọi là giải thoát”. Đại đức nói rằng: Do lực của giải thoát mà được giải thoát, cho nên gọi là giải thoát”. Hiếp Tôn giả nói: “Có những sự rời bỏ cho nên gọi là giải thoát”.

Tám giải thoát này, về cõi thì ba giải thoát đầu là cõi Sắc; giải thoát của ba Vô sắc xứ trước, hữu lậu là cõi Vô sắc, vô lậu là không hệ thuộc; hai giải thoát sau là cõi Vô sắc. Về địa thì hai giải thoát đầu ở Tĩnh lự thứ nhất-thứ hai và Vị chí định-Tĩnh lự trung gian; các địa khác cũng có thiện căn tương tự, mà không thiết lập làm hai giải thoát đầu. Nguyên cố thế nào? Bởi vì cõi Dục tán loạn và lực rời bỏ kém, cho nên không thiết lập hai giải thoát đầu. Rời bỏ cõi Dục và Tĩnh lự thứ nhất do Thức thân mà dẫn dắt duyên với tâm tham sắc, cho nên hai Tĩnh lự đầu thiết lập hai giải thoát bất tịnh đầu; Tĩnh lự thứ hai-thứ ba không có Thức thân dẫn dắt duyên với tâm tham sắc. Tĩnh lự thứ ba-thứ tư không thiết lập hai giải thoát bất tịnh đầu. Giải thoát thứ ba ở Tĩnh lự thứ tư; địa dưới cũng có thiện căn tương tự, mà không thiết lập làm giải thoát thứ ba. Nguyên cố thế nào? Bởi vì thiết lập tịnh giải thoát là muốn rời bỏ tâm quán bất tịnh, nếu ở địa dưới vì lực quán bất tịnh làm cho sụp đổ, thì bởi vì không trải rộng-không rõ ràng cho nên không thiết lập. Tĩnh lự thứ ba tuy không có hai giải thoát bất tịnh đầu, mà bị niềm vui thù thắng làm cho mê loạn, không trải rộng-không rõ ràng cho nên không thiết lập. Giải thoát thứ tư ở Không vô biên xứ.

Hỏi: Ở trong địa này pháp nào là giải thoát, pháp nào không phải là giải thoát?

Đáp: Là nhiệm của Tĩnh lự thứ tư, các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát và sinh đặc thiện... không phải là giải thoát, còn lại thiện hữu vi là giải thoát. Giải thoát thứ năm ở Thức vô biên xứ.

Hỏi: Ở trong địa này pháp nào là giải thoát, pháp nào không phải là giải thoát?

Đáp: Là nhiệm của Không vô biên xứ, các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát và sinh đặc thiện... không phải là giải thoát, còn lại thiện hữu vi là giải thoát. Giải thoát thứ sáu ở Vô sở hữu xứ.

Hỏi: Ở trong địa này pháp nào là giải thoát, pháp nào không phải là giải thoát?

Đáp: Là nhiệm của Thức vô biên xứ, các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát và sinh đặc thiện... không phải là giải thoát, còn lại thiện hữu vi là giải thoát. Giải thoát thứ bảy ở Phi tướng phi phi tướng xứ.

Hỏi: Ở trong địa này pháp nào là giải thoát, pháp nào không phải là giải thoát?

Đáp: Là nhiệm của Vô sở hữu xứ, các đạo gia hạnh, chín đạo vô gián, tám đạo giải thoát và sinh đặc thiện... không phải là giải thoát, còn lại thiện hữu vi là giải thoát. Tướng thọ diệt giải thoát ở Phi tướng phi phi tướng xứ.

Về sở y, ba giải thoát đầu dựa vào thân cõi Dục dấy khởi, Tướng thọ diệt giải thoát dựa vào thân cõi Dục-Sắc mà dấy khởi, bốn giải thoát còn lại dựa vào thân ba cõi mà dấy khởi. Về hành tướng, hai giải thoát đầu làm hành tướng bất tịnh, giải thoát thứ ba làm hành tướng tịnh, bốn giải thoát của bốn Vô sắc xứ làm mười sáu hành tướng, hoặc là hành tướng khác, Tướng thọ diệt giải thoát không làm hành tướng. Về sở duyên, ba giải thoát đầu duyên với Sắc xứ cõi Dục; giải thoát thứ tư duyên với bốn Vô sắc, và tất cả các phẩm Loại trí dựa vào nó diệt lấy nó, nếu bốn Vô sắc và phẩm Loại trí, Phi trạch diệt cùng với hư không, nếu nói là một vật, nếu nói là nhiều vật thì tất cả đều duyên vào; giải thoát thứ năm duyên với ba Vô sắc sau, và tất cả các phẩm Loại trí dựa vào nó diệt lấy nó, nếu ba Vô sắc sau và phẩm Loại trí, Phi trạch diệt cùng với hư không, nếu nói là một vật, nếu nói là nhiều vật thì tất cả đều duyên vào; giải thoát thứ sáu duyên với hai Vô sắc sau, và tất cả các phẩm Loại trí dựa vào nó diệt lấy nó, nếu hai Vô sắc sau và phẩm Loại trí, Phi trạch diệt cùng với hư không, nếu nói là một vật, nếu nói là nhiều vật thì tất cả đều duyên vào; giải thoát thứ bảy duyên với Phi tướng phi phi tướng xứ, và tất cả các phẩm Loại trí dựa vào nó diệt lấy nó, nếu Phi tướng phi phi tướng xứ và phẩm Loại trí, Phi trạch diệt cùng với hư không, nếu nói là một vật, nếu nói là nhiều vật thì tất cả đều duyên vào; Tướng thọ diệt giải thoát không có sở duyên.

Có người đưa ra cách nói này: Giải thoát của Không vô biên xứ cũng duyên với Phi trạch diệt của Tĩnh lự thứ tư, sở duyên còn lại như trước nói; cho đến giải thoát của Phi tướng phi phi tướng xứ cũng duyên với Phi trạch diệt của Vô sở hữu xứ, sở duyên còn lại như trước nói.

Về niệm trú, ba giải thoát đầu đi cùng Thân niệm trú; giải thoát của bốn Vô sắc xứ đi cùng bốn Niệm trú; Tướng thọ diệt giải thoát nếu dựa vào tự tánh xen lẫn niệm trú, thì nên nói không phải là đi cùng

Niệm trú, nếu dựa vào Niệm trú sở duyên thì nên nói là Pháp niệm trú. Về trí, ba giải thoát đầu đi cùng Thế tục trí; giải thoát của ba Vô sắc xứ trước đi cùng sáu trí, đó là Khổ-Tập-Diệt-Đạo trí và Loại trí-Thế tục trí; giải thoát của Phi tưởng phi phi tưởng xứ đi cùng Thế tục trí; Tưởng thọ diệt giải thoát không đi cùng với trí. Về Tam-ma-địa, ba giải thoát đầu và hai giải thoát sau không đi cùng Tam-ma-địa; giải thoát của ba Vô sắc xứ trước đi cùng ba Tam-ma-địa, hoặc là không đi cùng Tam-ma-địa. Về căn tương ứng, hai giải thoát đầu tương ứng với Hỷ-Xả căn, Tưởng thọ diệt giải thoát không tương ứng với căn, năm giải thoát còn lại đều tương ứng với Xả căn. Về ba đời, cả tám giải thoát đều thông với ba đời. Về duyên với ba đời, ba giải thoát đầu thì quá khứ duyên với quá khứ, hiện tại duyên với hiện tại, vị lai nếu sinh pháp thì duyên với vị lai, nếu không sinh pháp thì duyên với ba đời; giải thoát của bốn Vô sắc xứ duyên với ba đời và lia thời gian; Tưởng thọ diệt giải thoát không có duyên với ba đời. Về thiện-bất thiện và vô ký, tám giải thoát đều chỉ là thiện. Về duyên với thiện-bất thiện và vô phú vô ký, ba giải thoát đầu duyên với ba loại, giải thoát của bốn Vô sắc xứ chỉ duyên với thiện-vô ký, Tưởng thọ diệt giải thoát không có sở duyên. Về hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, ba giải thoát đầu chỉ hệ thuộc cõi Sắc; hai giải thoát sau chỉ hệ thuộc cõi Vô sắc; giải thoát của ba Vô sắc xứ trước, hữu lậu thì hệ thuộc cõi Vô sắc, vô lậu thì không hệ thuộc. Về duyên với hệ thuộc ba cõi và không hệ thuộc, ba giải thoát đầu chỉ duyên với hệ thuộc cõi Dục, giải thoát của bốn Vô sắc xứ duyên với hệ thuộc cõi Vô sắc và không hệ thuộc, Tưởng thọ diệt giải thoát không có sở duyên. Về Học-Vô học và Phi học phi vô học, ba giải thoát đầu và hai giải thoát sau chỉ là Phi học phi vô học, giải thoát của ba Vô sắc xứ trước gồm chung ba loại. Về duyên với Học-Vô học và Phi học phi vô học, ba giải thoát đầu chỉ duyên với Phi học phi vô học, giải thoát của bốn Vô sắc xứ duyên với ba loại, Tưởng thọ diệt giải thoát không có sở duyên. Về kiến sở đoạn-tu sở đoạn và không đoạn, hai giải thoát sau và ba giải thoát đầu chỉ là do tu mà đoạn; giải thoát của ba Vô sắc xứ trước, hữu lậu thì do tu mà đoạn, vô lậu thì không đoạn. Duyên với kiến sở đoạn-tu sở đoạn và không đoạn, ba giải thoát đầu chỉ duyên với do tu mà đoạn, giải thoát của bốn Vô sắc xứ duyên với ba loại, Tưởng thọ diệt giải thoát không có sở duyên. Duyên với danh-duyên với nghĩa, ba giải thoát đầu chỉ duyên với nghĩa; giải thoát của bốn Vô sắc xứ, nếu nói là cõi Vô sắc, cũng có danh thì đó là nói duyên bao gồm danh và nghĩa, nếu nói là cõi Vô sắc không có danh thì đó là nói chỉ duyên với

nghĩa; Tướng thọ diệt giải thoát không có sở duyên. Duyên với tự tướng tục-tha tướng tục và không tướng tục, giải thoát thứ nhất duyên với tự-tha tướng tục; giải thoát thứ hai-thứ ba, có người nói chỉ là tha tướng tục, có người nói duyên chung tự-tha tướng tục; giải thoát của bốn Vô sắc xứ duyên với ba loại; Tướng thọ diệt giải thoát không có sở duyên. Gia hạnh đắc và ly nhiễm đắc, Tướng thọ diệt giải thoát chỉ là gia hạnh đắc, bảy giải thoát còn lại cũng là gia hạnh đắc, cũng là ly nhiễm đắc. Ly nhiễm đắc, giải thoát của địa Tĩnh lự thứ nhất đạt được lúc lìa nhiễm của cõi Dục, cho đến giải thoát của Phi tướng phi tướng xứ đạt được lúc lìa nhiễm của Vô sở hữu xứ, sau đó do gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt. Gia hạnh đắc thì do gia hạnh mà đạt được, cũng do gia hạnh mà hiện rõ trước mắt. Thanh văn hoặc do gia hạnh bậc Trung, hoặc do gia hạnh bậc Thượng; Độc giác do gia hạnh bậc Hạ, Phật không do gia hạnh mà đạt được và hiện rõ trước mắt. Từng đạt được và chưa từng đạt được, Tướng thọ diệt giải thoát chỉ là chưa từng đạt được, bảy giải thoát còn lại gồm chung từng đạt được và chưa từng đạt được, nghĩa là các Thánh giả và dị sinh nội pháp đều gồm chung từng đạt được và chưa từng đạt được, dị sinh ngoại pháp chỉ là từng đạt được.

Như vậy đã nói về tướng chung của giải thoát, tướng riêng của mỗi một loại nay cần phải nói rộng ra.

Có sắc quán các sắc là giải thoát thứ nhất. Có sắc, nghĩa là có sắc tướng khác nhau bên trong chưa lìa-chưa bỏ-chưa trừ. Quán các sắc, nghĩa là vì lìa-bỏ-trừ sắc tướng khác nhau bên trong, do tác ý thắng giải quán các sắc bên ngoài, hoặc bầm xanh-hoặc máu mủ nát rã-hoặc phình tướng-hoặc bộ xương khô. Là giải thoát thứ nhất, thứ nhất nghĩa là danh số theo thứ tự ở đầu tiên; hoặc tiến vào định này theo thứ tự ở giải thoát thứ nhất, nghĩa là lúc tiến vào định này vốn có Sắc-Thọ-Tướng-Hành-Thức thiện, gọi chung là giải thoát.

Bên trong không có sắc tướng quán sắc bên ngoài là giải thoát thứ hai. Bên trong không có sắc tướng, nghĩa là sắc tướng khác nhau ở bên trong đã lìa-đã bỏ-đã trừ. Quán sắc bên ngoài, nghĩa là không vì lìa-bỏ-trừ sắc tướng khác nhau ở bên trong, mà do tác ý thắng giải quán các sắc bên ngoài, hoặc bầm xanh... nói rộng ra như trước. Thứ hai và giải thoát cũng như trước đã nói.

Hỏi: Vì lúc quán sắc bên ngoài có-bên trong không có sắc tướng, hay vì lúc quán sắc bên ngoài không có-bên trong không có sắc tướng? Giả sử như vậy thì có gì sai? Cả hai đều có sai lầm. Nguyên cố thể nào? Bởi vì nếu lúc quán sắc bên ngoài có-bên trong không có sắc tướng,

thì tại sao một tâm không dấy lên hai cách hiểu? Nếu dấy lên hai cách hiểu thì phải có hai Thể, một tâm-hai Thể cùng với lý trái ngược nhau. Nếu lúc quán sắc bên ngoài không có-bên trong không có sắc tướng, thì trong này đã nói nên thông hiểu thế nào? Nghĩa là bên trong không có sắc tướng quán sắc bên ngoài là giải thoát thứ hai.

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Nếu lúc quán sắc bên ngoài không có thì bên trong không có sắc tướng.

Hỏi: Nếu như vậy thì dễ dàng thông hiểu vấn nạn đã nêu ra trước, trong này đã nói nên thông hiểu thế nào?

Đáp: Dựa vào tâm mong mỏi của hành giả tu quán mà nói, nghĩa là hành giả tu quán trước tiên dấy tâm mong mỏi: Nếu mình ở bên trong không có sắc tướng thì cần phải quán sắc bên ngoài. Đức Thế Tôn dựa vào đó cho nên đưa ra cách nói này: Bên trong không có sắc tướng thì quán sắc bên ngoài.

Lại nữa, dựa vào hành giả tu quán trước tiên khởi lên phân biệt về tu hành mà nói, nghĩa là hành giả tu quán trước tiên dấy khởi lên phân biệt tu hành như vậy: Nếu mình ở bên trong không có sắc tướng thì cần phải quán sắc bên ngoài. Cho nên đưa ra cách nói này.

Lại nữa, câu chữ trong này dựa vào nghĩa chuẩn mực mà nói, nghĩa là nếu bên trong không có sắc tướng thì nghĩa chuẩn mực là nhất định phải quán các sắc bên ngoài, nếu quán sắc bên ngoài thì nghĩa chuẩn mực là nhất định phải bên trong không có sắc tướng.

Lại nữa, câu chữ trong này bao gồm thiện căn gia hạnh mà nói, bên trong không có sắc tướng là nói về thiện căn gia hạnh, quán sắc bên ngoài là nói về thiện căn cứu cánh.

Lại nữa, bên trong không có sắc tướng là dựa theo sở y mà nói, quán sắc bên ngoài là dựa theo sở duyên mà nói.

Tịnh giải thoát-thân tác chứng-trú đầy đủ là giải thoát thứ ba.

Hỏi: Tịnh giải thoát này là ngay nơi có sắc quán các sắc, hay là ngay nơi bên trong không có sắc tướng quán sắc bên ngoài? Nếu ngay nơi có sắc quán các sắc, thì giải thoát này cùng với giải thoát thứ nhất có gì sai biệt? Nếu ngay nơi bên trong không có sắc tướng quán sắc bên ngoài, thì giải thoát này cùng với giải thoát thứ hai có gì sai biệt?

Đáp: Nên đưa ra cách nói này: Tịnh giải thoát này chính là bên trong không có sắc tướng quán sắc bên ngoài.

Hỏi: Nếu như vậy thì giải thoát này cùng với giải thoát thứ hai có gì sai biệt?

Đáp: Tên gọi tức là sai biệt, nghĩa là pháp kia gọi là thứ hai, pháp

này gọi là thứ ba. Lại nữa, địa cũng có sai biệt, nghĩa là pháp kia ở hai Tĩnh lự đầu, pháp này ở Tĩnh lự thứ tư. Lại nữa, nối tiếp nhau cũng có sai biệt, nghĩa là giải thoát thứ hai cùng dựa vào nội-ngoại đạo nối tiếp nhau, tịnh giải thoát chỉ dựa vào nội đạo nối nhau. Lại nữa, giải thoát thứ hai làm thành tướng bất tịnh, tịnh giải thoát làm hành tướng tịnh. Lại nữa, giải thoát thứ hai đối trị tham sắc, tịnh giải thoát đối trị quán bất tịnh. Lại nữa, giải thoát thứ hai ít gia hạnh-ít công dụng mà được, tịnh giải thoát nhiều gia hạnh-nhiều công dụng mà được. Lại nữa, giải thoát thứ hai thì tự tánh rõ ràng thanh tịnh mà sở duyên không rõ ràng thanh tịnh, tự tánh vi diệu thù thắng mà sở duyên không vi diệu thù thắng; tịnh giải thoát thì tự tánh và sở duyên đều rõ ràng thanh tịnh, đều vi diệu thù thắng. Đó gọi là sai biệt giữa giải thoát thứ hai và thứ ba.

Hỏi: Hành giả tu quán tại sao lại tu tịnh giải thoát này?

Đáp: Bởi vì cần phải thử xem thiện căn đầy đủ hay chưa đầy đủ, nghĩa là hành giả tu quán dấy lên ý nghĩ này: Tuy quán về tướng bất tịnh không khởi lên phiền não, mà chưa biết thiện căn là thành tựu đầy đủ hay không, nếu quán về tướng tịnh mà phiền não không sinh khởi, thì mới biết được thiện căn đã được thành tựu đầy đủ. vì vậy quán về tướng tịnh mà tu tịnh giải thoát.

Lại nữa, hành giả tu quán về tướng bất tịnh thì tâm chìm trong lo buồn cho nên thiện phẩm không tăng thêm, vì khiến cho thiện phẩm càng thêm tăng tiến, cho nên tiếp tục quán về tướng tịnh mà tu tịnh giải thoát. Như đạo qua bãi tha ma thấy nhiều cây xác hôi thối, tâm chìm trong lo buồn cho nên thiện phẩm không tăng thêm, vì khiến cho thiện phẩm càng thêm tăng tiến, cho nên ngắm nhìn vườn rừng-suối khe-ao hồ tươi đẹp, hoặc đạo qua thành ấp nhìn những sự việc tốt đẹp làm cho tâm vui vẻ thanh thản có thể tu pháp thiện thù thắng. Ở đây cũng như vậy, cho nên quán về tướng tịnh.

Lại nữa, hành giả tu quán về bất tịnh đã lâu, thì tâm vui thú đắm vào mà thiện phẩm không tăng thêm, vì khiến cho thiện phẩm được tăng tiến, cho nên rời bỏ quán bất tịnh để tu tịnh giải thoát.

Lại nữa, hành giả quán muốn biểu hiện tâm mình vững chắc không lui sụt, nghĩa là duyên với cảnh tịnh mà phiền não không sinh khởi huống là duyên với cảnh khác, cho nên quán về tướng tịnh mà tu tịnh giải thoát.

Lại nữa, hành giả tu quán biểu hiện thiện căn của mình có thể lực to lớn, nghĩa là duyên với cảnh tịnh mà phiền não không sinh khởi huống là duyên với cảnh khác, cho nên quán về tướng tịnh mà tu tịnh

giải thoát.

Lại nữa, hiển bày tịnh giải thoát không phải là các hữu tình đều có thể tu được, chỉ có ở cõi trời thanh tịnh vui sướng với thắng giải tuyệt vời mà chết đi, sinh đến giữa loài người mới có thể tu được, cho nên hành giả tu tập cần phải tu tịnh giải thoát.

Từng nghe Tỳ kheo vào lúc chiều tà đi đến nơi Đức Phật cầu xin phòng ốc tốt đẹp, Đức Phật bảo A-nan trao cho phòng ốc tốt đẹp. A-nan vâng lời dạy mà trao cho phòng ốc, Tỳ kheo ấy nói nên quét dọn sạch sẽ, treo cờ phướn-lọng tàng-đốt hương-rãi hoa, trải giường đệm mềm mại-đặt gối kê tốt đẹp thì tôi mới nhận, không như vậy thì không sử dụng. A-nan tức thì đem sự việc thưa với Đức Phật, Đức Phật bảo thuận theo yêu cầu đều nên trao cho. Lúc bấy giờ A-nan lo liệu đầy đủ mà trao cho. Tỳ kheo nhận rồi vào lúc đầu đêm khởi lên tịnh giải thoát, nhờ vào đây lần lược khởi lên giải thoát khác, các lậu vĩnh viễn không còn, thành bậc A-la-hán, tiếp tục tu gia hạnh khiến cho phát khởi thần thông, vào lúc sáng sớm dựa theo thần thông mà ra đi. A-nan về sau khi đến phòng ấy không thấy Tỳ kheo, chỉ thấy giường ghế liền đi đến thưa với Đức Phật. Đức Phật bảo với A-nan: Ông đừng xem thường Tỳ kheo ấy, Tỳ kheo ấy vào đêm qua khởi lên tịnh giải thoát và các giải thoát khác, thành bậc A-la-hán dẫn dắt phát khởi thần thông, sáng sớm đã ra đi.

Nhưng Tỳ kheo ấy từ cõi trời thanh tịnh vui sướng với thắng giải tuyệt vời mà chết đi, sinh đến giữa loài người. Nếu vị ấy không có được phòng ốc tốt đẹp sạch sẽ thì không thể nào tu giải thoát thứ ba, cho đến không đạt được thần thông ở quả cao nhất. Vì vậy cho nên biết tịnh giải thoát này không phải là các hữu tình đều có thể tu được, chỉ có nơi thanh tịnh vui sướng mới có thể phát khởi. Thứ ba và giải thoát, cũng nói như trước. Giải thoát của bốn Vô sắc, như bốn Vô sắc đã nói. Tưởng thọ diệt giải thoát như chương Căn Uẩn sau sẽ phân biệt rộng ra. Số và giải thoát theo như trước nên biết.

Hỏi: Tại sao phần ít thiện căn của Tịch lự mà thiết lập là giải thoát, tất cả địa của Vô sắc đều thiết lập giải thoát?

Đáp: Tịch lự hiển bày thô thiển-hiện thấy rõ ràng, cho nên một ít thiện căn thiết lập là giải thoát; Vô sắc ẩn kín vi tế-không rõ ràng và không hiện thấy, cho nên địa căn bản đều thiết lập giải thoát. Lại nữa, trong Tịch lự có các loại tướng sai khác không tương tự với pháp, cho nên một ít thiện căn thiết lập làm giải thoát; Vô sắc thì không như vậy, cho nên thiết lập chung. Lại nữa, trong Tịch lự có tướng sai khác của Căn-Thọ-tâm-tâm sở pháp, cho nên một ít thiện căn thiết lập làm giải

thoát; Vô sắc thì không như vậy, cho nên thiết lập chung. Lại nữa, Tịnh lự có nhiều công đức thắng lợi, cho nên một ít thiện căn thiết lập làm giải thoát; Vô sắc thì không như vậy, ch nên thiết lập chung. Lại nữa, Tịnh lự duyên khắp nơi địa trên-dưới địa mình, cho nên một ít thiện căn thiết lập làm giải thoát; Vô sắc chỉ duyên với địa trên mình chứ không phải là địa dưới mình, cho nên thiết lập chung. Lại nữa, giải thoát của Tịnh lự chỉ là hữu lậu, cho nên thiết lập riêng; giải thoát của Vô sắc cũng gồm chung Vô lậu, cho nên thiết lập chung.

Hỏi: Dựa vào luận mà phát sinh luận, tại sao giải thoát của Tịnh lự chỉ riêng hữu lậu, giải thoát của Vô sắc gồm chung hữu lậu và vô lậu?

Đáp: Trước đây nói về năm Môn cũng bao gồm câu trả lời này, trong này lại có một cách trả lời không giống nhau, nghĩa là giải thoát vốn có trong Tịnh lự chỉ tương ứng với tác ý thắng giải, giải thoát vốn có trong các Vô sắc phần nhiều tương ứng với tác ý chân thật, cho nên không giống nhau.

Hỏi: Tại sao Đức Thế Tôn đối với tám giải thoát dùng thanh Phương mà nói?

Đáp: Bởi vì quán xét hữu tình được hóa độ, như đối với bốn Đế mà nói theo thanh bốn Phương.

Hỏi: Giải thoát và Phương có gì tương tự?

Đáp: Giải thoát và Phương đều có tám.

Hỏi: Phương chín là có mười, tương tự như thế nào?

Đáp: Như phương pháp điều phục voi chỉ dựa vào tám phương, không phải là phương trên-dưới, vì thế cho nên tương tự. Lại nữa, như người theo mặt phẳng chỉ nhìn thấy tám phương, tâm ngay thẳng như vậy mà tu tám giải thoát. Lại nữa, như dựa vào tám phương có thể điều phục voi mạnh, giải thoát cũng như vậy, dựa vào tám gia hạnh mà hiện rõ ở trước mắt loại bỏ chướng ngại cho giải thoát.

Tôn giả Diệu Âm đưa ra cách nói như vậy: “ Phương và giải thoát có ba giống nhau-ba khác nhau. Nói ba giống nhau:

1. Như người điều phục voi, cần phải hướng đến một phương, mới có thể điều phục voi, Đức Thế Tôn cũng như vậy, cần phải hướng đến giải thoát, mới có thể điều phục hữu tình đã hóa độ.

2. Như người điều phục voi, ở trong một thời gian chỉ hướng đến một phương mà điều phục một con voi, Đức Thế Tôn cũng như vậy, trong một lúc chỉ dựa vào một loại giải thoát để điều phục một hữu tình đã hóa độ.

3. Như người điều phục voi, khiến cho voi đã điều phục hướng đến một phương thì cách xa những phương khác, Đức Thế Tôn cũng như vậy, khiến cho hữu tình đã hóa độ sinh khởi một giải thoát hiện rõ ở trước mắt thì những giải thoát xa khác không hiện hành.

Nói ba khác nhau:

1. Như người điều phục voi, cần phải hướng đến với phương thì mới có thể điều phục được voi, Đức Thế Tôn thì không như vậy, ngồi nghiêm trang một nơi cũng khiến cho hữu tình đã hóa độ có thể phát khởi giải thoát.

2. Như người điều phục voi, ở trong một thời gian chỉ hướng đến một phương để điều phục một con voi, Đức Thế Tôn thì không như vậy, khiến cho hữu tình đã hóa độ phát khởi nhiều giải thoát.

3. Như người điều phục voi, khiến cho voi đã điều phục hướng đến một phương thì rời bỏ những phương xa khác, Đức Thế Tôn thì không như vậy, khiến cho hữu tình đã hóa độ sinh khởi một giải thoát hiện rõ ở trước mắt thì gần với những giải thoát khác.”

Lại nữa, Đức Phật muốn biểu hiện chính mình là bậc điều phục dẫn dắt thù thắng, cho nên đối với giải thoát mà nói theo thanh Phương.

Từng nghe đại Vương Thắng Quân là chủ của nước Kiều-tát-la, truyền cho người bắt voi lấy con voi rừng to lớn, khiến người điều phục voi dựa vào phương pháp điều phục voi để khéo léo điều phục cai quản. Voi đã điều phục rồi, nhà vua và người thuần phục voi cùng cưỡi voi dạo chơi săn bắn. Lúc ấy con voi đang cưỡi trông thấy bầy voi cái, tâm dục hừng hực phát ra lập tức chạy đuổi theo, người thuần phục voi dùng hết phương pháp để kiềm chế nhưng không thể nào quay lại, nhà vua và người thuần phục voi điều bị tổn thương, nhờ gặp cơ hội leo lên cây mà cứu được mạng sống. Trở về cung, nhà vua trách mắng người thuần phục voi, đưa ra cách trừng phạt thích đáng. Lúc ấy người thuần phục voi thưa với nhà vua rằng: Con voi ấy thật sự đã thuần phục, mong đại vương cho phép thử nghiệm. Lúc ấy con voi tham nghĩ ngợi liền nhanh chóng trở về cung, người thuần phục voi trông thấy nhanh chóng dẫn đến chỗ nhà vua, lập tức đặc viên sắt nóng ở trên đỉnh đầu con voi và chậm rãi nói với nó rằng: Đây là phương pháp cuối cùng để điều phục người, phải ráng chịu đựng, nếu không chịu đựng được thì cần phải dùng những điều khổ sở trước đây đã điều phục người mà lần lược điều phục người. Con voi nghe rồi thì chịu đựng đứng không nhúc nhích như hòn núi. Lúc ấy viên sắt nóng đốt cháy đỉnh đầu con voi, như đốt cháy cành cây khô, nhà vua trông thấy thở than trách móc, khiến bỏ đi viên sắt

nóng, bảo với người thuần phục voi rằng: Con voi này đã thuần phục, tại sao trước đây lại như vậy? Người thuần phục voi quỳ xuống thưa rằng: Bề tôi có thể điều phục thân chứ không có năng lực điều phục tâm. Nhà vua nói: Có thể có người nào có năng lực điều phục tâm? Người thuần phục voi thưa rằng: Có, đó là Đức Phật Thế Tôn, có năng lực điều phục các bệnh thân - tâm của chúng sinh. Nhà vua nghe nói rất hoan hỷ liền cùng với người thuần phục voi, cưỡi con voi đã thuần phục đi đến nơi Đức Phật, thấy Đức Phật đang thuyết pháp cho trăm ngàn chúng đệ tử vây tròn trước sau, tiến lên lạy dưới chân Đức Phật rồi lùi về ngồi một phía. Đức Phật liền thuyết pháp rất sâu xa cho nhà vua nghe, không phải là pháp mà các Độc giác - Thanh văn đã biết, nhân đó bảo với các Tỷ kheo: Như người điều phục voi, lúc đang điều pháp voi thì ở trong tám phương chỉ chọn lấy một phương mà điều phục voi, điều phục trâu- ngựa... cũng lại như vậy. Bậc Điều ngự Vô thượng điều phục hữu tình đã hóa độ, thì lập tức dựa vào tám phương mà điều phục hữu tình đã hóa độ, nói tám phương ấy là dụ cho tám giải thoát.

Vì vậy, hiển bày Đức Thế Tôn là bậc Điều ngự thù thắng, đối với tám giải thoát mà nói theo thanh Phương.

